

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST

Ngày 29-9-2025

V/v “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con,
cấp dưỡng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Long.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Thông

Bà Nguyễn Thị Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Dàng- Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bưởi - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 50/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con, cấp dưỡng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn C; cư trú tại số D, đường D, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là D, đường D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hùng Phi K – Luật sư của Công ty L thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; địa chỉ: D B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Chị HNoi; địa chỉ tại thôn S, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (nay là thôn S, xã K, tỉnh Gia Lai). Vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn là anh Nguyễn Văn C trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam vào ngày 30-3-2021;

Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận, nhưng quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nên thường cãi vã, dẫn đến tình cảm đã không còn, anh và chị H đã cố gắng trao đổi giải quyết mâu thuẫn, nhưng không

có kết quả, mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng và không thể xóa bỏ được, thực tế anh và chị H đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay, không còn quan tâm, yêu thương và chăm sóc cho nhau, nay anh và chị H không thể chung sống với nhau được nữa, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt mục đích. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án nhanh chóng giải quyết để anh được ly hôn với chị H.

Về con: Anh và chị H có 2 con chung là cháu Nguyễn Hồng N, sinh ngày 1-7-2021 và cháu Nguyễn Đăng K1, sinh ngày 6-12-2022; hiện nay các cháu đều đang sống cùng với mẹ.

Ly hôn, anh có nguyện vọng để chị H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả 2 con.

Anh đồng ý cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng/cháu để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hồng N, Nguyễn Đăng K1 cho đến khi cháu thành niên, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 5 năm 2025.

Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: Anh và chị H không có tài sản chung và cũng không phải thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn là chị H trình bày:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn C đã trình bày là đúng, chị không có ý kiến nào khác. Nay anh Nguyễn Văn C yêu cầu ly hôn, chị cũng đồng ý.

Về con: Chị và anh C có 2 con chung là cháu Nguyễn Hồng N, sinh ngày 1-7-2021 và cháu Nguyễn Đăng K1, sinh ngày 6-12-2022, hiện nay các cháu đang sống cùng với mẹ như anh C đã trình bày là đúng. Ly hôn, chị có nguyện vọng chăm sóc, nuôi dưỡng cả 2 cháu. Chị đồng ý với ý kiến của anh C về việc cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng/con để nuôi con.

Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: Anh C trình bày là đúng, chị không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt và đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; quyết định anh Nguyễn Văn C ly hôn với chị H; giao con của anh Nguyễn Văn C và chị H là cháu Nguyễn Hồng N, sinh ngày 1-7-2021 và cháu Nguyễn Đăng K1, sinh ngày 6-12-2022 cho chị H tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của anh C về cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng/con để nuôi con; không giải quyết về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản do đương sự không yêu cầu; buộc anh Nguyễn Văn C phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:*

Tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn C, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn là chị H. Nổi vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với

anh Nguyễn Văn C, chị H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh C.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện anh Nguyễn Văn C và chị H tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 30 tháng 3 năm 2021.

Như vậy, hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn C và chị H là hợp pháp.

Anh Nguyễn Văn C khởi kiện và cho rằng, quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung; hiện tại, vợ chồng cũng không còn chung sống với nhau; không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc cho nhau, anh nhận thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn với chị H.

Tham gia tố tụng, chị H thừa nhận chị và anh C có nhiều bất đồng trong hôn nhân, vợ chồng đã không cùng chung sống từ năm 2022 đến nay, mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hòa giải, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống; chị H cũng đồng ý ly hôn với anh C.

Như vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của chị H và anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; do đó, việc anh C yêu cầu ly hôn với chị H là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về con và cấp dưỡng nuôi con:*

Chị H và anh C có hai con là cháu Nguyễn Hồng N, sinh ngày 1-7-2021 và cháu Nguyễn Đăng K1, sinh ngày 6-12-2022.

Tham gia tố tụng, chị H có nguyện vọng được nuôi cả hai con; anh C cũng mong muốn giao cháu N và cháu K1 cho chị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; anh C tự nguyện cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng/con để nuôi con, thời gian cấp dưỡng từ tháng 5-2025.

Hội đồng xét xử nhận thấy, thực tế cháu N và cháu K1 đang sống cùng chị H, được chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đã quen với điều kiện, môi trường sống. Do đó, cần tiếp tục giao cháu N và cháu K1 cho chị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng như nguyện vọng và mong muốn của anh C, chị H để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các con; đồng thời, ghi nhận sự tự nguyện của anh C về việc cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng/con để nuôi con.

[2.3] *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung:* Do các bên đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Từ những nhận định và đánh giá trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh C, quyết định anh C được ly hôn với chị H; giao cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hồng N, sinh ngày 1-7-2021 và cháu Nguyễn Đăng K1, sinh ngày 6-12-2022; buộc anh C phải cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng/con để nuôi con.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn C.

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn C được ly hôn với chị H.

- Về con: Giao cháu Nguyễn Hồng N, sinh ngày 1-7-2021 và cháu Nguyễn Đăng K1, sinh ngày 6-12-2022 cho chị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động, bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự và không có tài sản để tự nuôi mình.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về cấp dưỡng: Ghi nhận việc anh Nguyễn Văn C tự nguyện cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng/con để nuôi con; anh Nguyễn Văn C phải thực hiện cấp dưỡng từ tháng 5 năm 2025 cho đến khi cháu Nguyễn Hồng N và cháu Nguyễn Đăng K1 thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng cho con.

2. Về án phí:

Buộc anh Nguyễn Văn C chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0010829 ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10 – Gia Lai); anh Nguyễn Văn C còn phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm;

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khu vực 10, tỉnh Gia Lai;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Quế Sơn Trung, TP Đà Nẵng (GCNKH cấp số 28, ngày 30-3-2021);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Long